

QUY CHẾ

Phối hợp các lực lượng tham gia chữa cháy rừng trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế

(Kèm theo Quyết định số 28 /2020/QĐ-UBND ngày 20 tháng 5 năm 2020
của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế này quy định về nguyên tắc phối hợp, nội dung phối hợp của các lực lượng tham gia chữa cháy rừng và trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan tham gia phối hợp chữa cháy rừng trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế.

2. Đối tượng áp dụng: Quy chế này áp dụng đối với cơ quan nhà nước, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư trong nước và các tổ chức, cá nhân nước ngoài có liên quan đến hoạt động chữa cháy rừng trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế.

Điều 2. Nguyên tắc phối hợp

1. Hoạt động phối hợp thực hiện nhiệm vụ chữa cháy rừng giữa lực lượng phối hợp đặt dưới sự lãnh đạo của cấp ủy Đảng và điều hành của Ủy ban nhân dân các cấp; phát huy sức mạnh của toàn dân và của các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội nghề nghiệp có liên quan theo quy định của pháp luật.

2. Đảm bảo sự chỉ đạo, chỉ huy, điều hành thống nhất, tập trung; sự phối hợp chặt chẽ các lực lượng tham gia chữa cháy rừng căn cứ theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của cơ quan Kiểm lâm, Công an, Quân đội từ cấp tỉnh đến cấp huyện, cấp xã.

3. Việc xử lý các hành vi vi phạm pháp luật trong lĩnh vực quản lý, bảo vệ rừng phải kiên quyết, chủ động, bảo vệ tối đa quyền và lợi ích hợp pháp của các cơ quan, tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Quy chế này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Phương tiện, thiết bị chữa cháy rừng

a) Các thiết bị, phương tiện cơ giới: Như xe chữa cháy, xe chữa cháy rừng, máy phun nước, máy thổi gió, cưa xăng, máy bơm chữa cháy xách tay, máy ủi,

máy cày, máy phun đất, xe, máy chuyên dùng phun nước, hóa chất chữa cháy rừng và các phương tiện khác;

b) Dụng cụ thủ công: Như bàn đập lửa, rựa, cuốc, xẻng, thùng tưới nước, cành cây...

2. Hậu cần chữa cháy rừng

a) Hậu cần cho lực lượng tham gia chữa cháy rừng bao gồm: bảo hộ lao động (quần áo, giày, mũ, đèn pin, bình nước cá nhân, thuốc, bông băng cấp cứu...) để phục vụ cho lực lượng chữa cháy tại chỗ và lực lượng được huy động tại địa phương, đảm bảo cung cấp nước uống và thực phẩm cho lực lượng tham gia chữa cháy rừng;

b) Hậu cần cho phương tiện, thiết bị chữa cháy bao gồm: Xăng, dầu phục vụ cho phương tiện, thiết bị cơ giới; nước, hóa chất phục vụ cho xe, máy phun nước, hóa chất chữa cháy rừng; điểm lấy nước cho xe chữa cháy.

3. Công trình phòng cháy, chữa cháy rừng: Là hệ thống các công trình được thiết lập, xây dựng để thực hiện việc phòng cháy rừng hoặc sử dụng để chữa cháy khi có cháy rừng xảy ra, bao gồm đường băng cản lửa, kênh, mương ngăn lửa; suối, hồ, đập, bể chứa nước, trạm bơm, hệ thống cấp nước chữa cháy; chòi quan sát phát hiện cháy rừng; hệ thống biển cấm, biển báo, biển chỉ dẫn về phòng cháy, chữa cháy rừng; hệ thống thông tin liên lạc; trung tâm dự báo, cảnh báo cháy rừng và các công trình khác phục vụ cho phòng cháy, chữa cháy rừng.

4. Đường băng trắng cản lửa: Là những dải đất trống đã được chặt trắng cây, thu dọn hết cây cỏ, thảm mục, vật liệu cháy hoặc đường lâm nghiệp, đường tuần tra bảo vệ rừng nhằm ngăn cản lửa rừng khi xảy ra cháy.

5. Băng đốt trước (dùng lửa đập lửa): Trước đám cháy không xa, dọn hai băng song song bao quanh đám cháy; trên hai băng tiến hành dọn sạch tất cả vật liệu cháy ra bên ngoài về phía giữa hai băng, sau đó đốt từng đoạn, khi đốt phải thận trọng không để lửa cháy lan ra ngoài; tuyến lửa đốt trước này là tuyến có điều khiển, an toàn và khản trương; tùy theo tốc độ gió và quy mô đám cháy mà khoảng cách giữa hai băng cho thích hợp.

6. Đường băng xanh cản lửa: Là những dải băng rừng được trồng cây rừng hỗn giao hoặc thuần loài, gồm những loài cây có khả năng chịu lửa tốt, khó cháy, có tác dụng ngăn cản cháy rừng lan qua.

7. Các đơn vị liên quan: Gồm Công an, Quân đội, chủ rừng, các sở, ban ngành, tổ chức chính trị - xã hội, các tổ chức trong và ngoài nước... trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế.

Điều 4. Nguyên tắc chữa cháy rừng

1. Chủ động, sẵn sàng lực lượng, phương tiện, thiết bị, dụng cụ cho hoạt động chữa cháy rừng, phát huy sức mạnh tổng hợp của toàn dân và các lực lượng tham gia công tác chữa cháy rừng.

2. Thông tin về nguy cơ và cháy rừng phải được thông báo nhanh chóng, kịp thời cho Chính quyền địa phương và cơ quan chuyên trách về phòng cháy, chữa cháy rừng.

3. Chỉ huy thống nhất, phối hợp chặt chẽ các lực lượng được huy động tham gia chữa cháy rừng.

4. Thực hiện phương châm 04 tại chỗ để sẵn sàng ứng phó kịp thời, hiệu quả khi cháy rừng xảy ra, bao gồm: chỉ huy tại chỗ, lực lượng tại chỗ, phương tiện tại chỗ và hậu cần tại chỗ. Kết hợp 05 sẵn sàng bao gồm: thông tin, chỉ huy, lực lượng, phương tiện và hậu cần.

Điều 5. Yêu cầu trong chữa cháy rừng

1. Huy động tối đa lực lượng, phương tiện và thiết bị, dụng cụ để chữa cháy.

2. Dập tắt lửa phải khẩn trương, kịp thời và triệt để.

3. Hạn chế đến mức thấp nhất thiệt hại về mọi mặt.

4. Đảm bảo an toàn tuyệt đối tính mạng, phương tiện, tài sản của nhân dân và người tham gia chữa cháy. Trường hợp có người bị thương phải sơ cứu và đưa đi cấp cứu kịp thời, nếu bị thương nặng hoặc tử vong phải lập biên bản để có cơ sở giải quyết chính sách, chế độ cho người tham gia chữa cháy bị nạn.

5. Trong trường hợp cháy rừng xảy ra trên diện rộng có nguy cơ gây thảm họa dẫn đến tình trạng khẩn cấp thì việc chữa cháy rừng phải tuân thủ các quy định của pháp luật về tình trạng khẩn cấp.

Chương II NỘI DUNG PHỐI HỢP

Mục 1

QUY ĐỊNH VỀ LỰC LƯỢNG CHỮA CHÁY RỪNG

Điều 6. Phân công, phối hợp của các lực lượng tham gia chữa cháy rừng

1. Lực lượng tham gia chữa cháy rừng cấp tỉnh: Khi có cháy rừng lớn, hoặc nguy cơ cháy lớn; cháy rừng vùng giáp ranh giữa các huyện; vùng giáp ranh với tỉnh khác, lực lượng chữa cháy rừng cấp tỉnh quy định như sau:

a) Lực lượng chính gồm: Lực lượng của Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ thuộc Công an tỉnh, Kiểm lâm, chủ rừng có rừng bị cháy;

b) Lực lượng phối hợp gồm: Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh, Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh, các đơn vị Quân đội trung ương đóng quân trên địa bàn tỉnh, Công an tỉnh, lực lượng tại địa phương nơi xảy ra cháy rừng, các chủ rừng khác khi được huy động.

2. Lực lượng tham gia chữa cháy rừng cấp huyện: Khi có cháy rừng lớn, hoặc nguy cơ cháy lớn; cháy rừng vùng giáp ranh giữa các xã; vùng giáp ranh với huyện khác, lực lượng chữa cháy rừng cấp huyện quy định như sau:

a) Lực lượng chính gồm: Lực lượng Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ, Kiểm lâm cấp huyện, chủ rừng có rừng bị cháy;

b) Lực lượng phối hợp gồm: Cơ quan Quân sự cấp huyện, cơ quan Bộ đội Biên phòng đóng quân trên địa bàn, các đơn vị Quân đội trung ương đóng quân trên địa bàn huyện, Công an cấp huyện, lực lượng tại địa phương nơi xảy ra cháy rừng và địa phương lân cận, các chủ rừng khác khi được huy động.

3. Lực lượng tham gia chữa cháy rừng cấp xã

a) Lực lượng chính gồm: Chủ rừng có rừng bị cháy, Kiểm lâm địa bàn;

b) Lực lượng phối hợp gồm: Dân quân tự vệ, Công an cấp xã, lực lượng dân phòng, tổ đội bảo vệ rừng, lực lượng phòng cháy, chữa cháy rừng của thôn, bản, làng, tổ dân phố, lực lượng tại địa phương nơi xảy ra cháy rừng và địa phương lân cận.

Điều 7. Phân công, phối hợp chỉ đạo và chỉ huy chữa cháy rừng

1. Chỉ đạo chữa cháy rừng

a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp hoặc người được ủy quyền có mặt tại đám cháy rừng là người chỉ đạo chữa cháy rừng. Người chỉ đạo chữa cháy rừng có nhiệm vụ:

- Huy động, điều phối và phân công các lực lượng, phương tiện, thiết bị, dụng cụ, vật tư, nguồn nước và vật liệu để chữa cháy rừng;

- Bảo đảm các điều kiện phục vụ chữa cháy như giao thông, trật tự, thông tin liên lạc, hậu cần, y tế và công tác chính trị tư tưởng trong chữa cháy rừng.

b) Người đứng đầu các lực lượng tham gia chữa cháy có trách nhiệm phối hợp với Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp hoặc người được ủy quyền thực hiện chữa cháy theo chỉ đạo, phân công của Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp hoặc người được ủy quyền.

2. Chỉ huy chữa cháy rừng

a) Người có chức vụ cao nhất của đơn vị Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ có mặt tại nơi xảy ra cháy là người chỉ huy chữa cháy.

Trường hợp cháy rừng khi chưa có Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ: Nếu chủ rừng là cơ quan, tổ chức thì người đứng đầu cơ quan, tổ chức hoặc người được ủy quyền là người chỉ huy chữa cháy, trưởng thôn, trưởng bản tại nơi xảy ra cháy có trách nhiệm tham gia chỉ huy chữa cháy; nếu chủ rừng là hộ gia đình hoặc cá nhân thì trưởng thôn, trưởng bản hoặc người được ủy quyền tại nơi xảy ra cháy là người chỉ huy chữa cháy. Người đứng đầu đơn vị Kiểm lâm hoặc người được ủy quyền tại nơi xảy ra cháy có trách nhiệm tham gia chỉ huy chữa cháy; trường hợp có nhiều lực lượng tham gia chữa cháy rừng,

người chỉ huy chữa cháy rừng của từng lực lượng như sau:

- Đối với lực lượng Quân đội, thủ trưởng đơn vị là người chỉ huy theo quy định của pháp luật về phòng cháy và chữa cháy;
- Đối với lực lượng bảo vệ rừng của chủ rừng là tổ chức, người đứng đầu tổ chức là người chỉ huy hoặc ủy quyền người chỉ huy chữa cháy rừng;
- Đối với các lực lượng khác tham gia chữa cháy rừng thực hiện theo quy định của pháp luật về phòng cháy và chữa cháy.

Người chỉ huy chữa cháy rừng có nhiệm vụ:

- Trực tiếp điều hành các lực lượng, phương tiện tham gia chữa cháy rừng;
- Tổ chức trinh sát đám cháy; xác định vị trí, hướng chữa cháy chính và việc triển khai lực lượng, phương tiện cần thiết để chữa cháy, các biện pháp để chữa cháy;
- Quyết định phân chia khu vực chữa cháy và chỉ định người chỉ huy của từng lực lượng chữa cháy rừng theo từng khu vực;
- Báo cáo lãnh đạo cấp trên trực tiếp quản lý hoặc theo yêu cầu của cấp có thẩm quyền về tình hình, diễn biến của đám cháy;
- Tổ chức thực hiện các biện pháp bảo đảm an toàn cho lực lượng, phương tiện tham gia chữa cháy; bảo đảm các hoạt động hỗ trợ trong công tác chữa cháy rừng;
- Phối hợp tổ chức bảo vệ khu vực chữa cháy, hiện trường vụ cháy; áp dụng các biện pháp bảo vệ tài liệu, đồ vật phục vụ công tác điều tra vụ cháy, xác định nguyên nhân gây ra cháy rừng;
- Tổ chức tập hợp lực lượng, thu hồi phương tiện trở về đơn vị khi kết thúc nhiệm vụ chữa cháy rừng;
- Sau khi dập tắt đám cháy, yêu cầu phải thường xuyên kiểm tra hiện trường để đám cháy không bùng phát trở lại;
- Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định pháp luật về phòng cháy và chữa cháy.

b) Người đứng đầu các lực lượng tham gia chữa cháy rừng có trách nhiệm phối hợp với người chỉ huy để tổ chức chữa cháy rừng theo sự chỉ đạo, phân công của Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp hoặc người được ủy quyền.

Điều 8. Trách nhiệm huy động lực lượng, phương tiện trong chữa cháy rừng

1. Trách nhiệm chính

a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã huy động lực lượng, phương tiện, thiết bị của tổ chức, cá nhân thuộc phạm vi quản lý để chữa cháy rừng. Trong trường hợp vượt quá khả năng kiểm soát của cấp xã, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã

báo cáo Ủy ban nhân dân cấp huyện để huy động chữa cháy rừng cấp huyện;

b) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện huy động lực lượng, phương tiện, thiết bị của tổ chức, cá nhân thuộc phạm vi quản lý để chữa cháy rừng. Trong trường hợp vượt quá khả năng kiểm soát của cấp huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh để huy động chữa cháy rừng cấp tỉnh;

c) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh huy động lực lượng, phương tiện, thiết bị của tổ chức, cá nhân thuộc phạm vi quản lý để chữa cháy rừng. Trong trường hợp đám cháy lớn vượt quá khả năng kiểm soát, hoặc đám cháy quy mô không lớn nhưng có nguy cơ ảnh hưởng đến người dân, đến an ninh quốc phòng, sự an toàn của các công trình quan trọng, các công trình, vật kiến trúc có nguy cơ gây cháy nổ lớn, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh báo cáo Ủy ban Quốc gia Ứng phó sự cố, thiên tai và tìm kiếm cứu nạn và Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để huy động chữa cháy rừng.

2. Trách nhiệm phối hợp: Thủ trưởng các đơn vị được huy động tham gia chữa cháy rừng có trách nhiệm huy động lực lượng, phương tiện, hậu cần... thuộc sự quản lý của đơn vị để tham gia chữa cháy.

Điều 9. Trách nhiệm chữa cháy, tham gia chữa cháy rừng

1. Người có mặt tại nơi xảy ra cháy rừng phải tìm mọi biện pháp để ngăn chặn cháy lan và dập tắt đám cháy; người tham gia chữa cháy phải chấp hành mệnh lệnh của người chỉ đạo, chỉ huy chữa cháy.

2. Chủ rừng có rừng bị cháy, cơ quan Kiểm lâm, Công an, Quân đội, lực lượng tại địa phương nơi xảy ra cháy rừng và địa phương lân cận khi nhận được tin báo về cháy rừng xảy ra trong địa bàn được phân công quản lý phải nhanh chóng huy động lực lượng, phương tiện đến tổ chức chữa cháy, đồng thời báo cho các cơ quan, đơn vị cần thiết khác biết để chi viện chữa cháy; trường hợp cháy rừng xảy ra ngoài địa bàn được phân công quản lý thì sau khi nhận được tin báo cháy phải bằng mọi cách nhanh chóng báo cho các cơ quan, đơn vị quản lý địa bàn nơi xảy ra cháy biết để xử lý và tham gia chữa cháy rừng.

3. Lực lượng Công an chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan khoanh vùng, chặn đường khu vực xảy ra cháy rừng, ngăn không cho người không có nhiệm vụ liên quan trong chữa cháy rừng hoặc súc vật tiếp cận hiện trường để tổ chức truy tìm, bắt giữ đối tượng gây cháy rừng (nếu có) và hỗ trợ lực lượng chữa cháy rừng thực hiện nhiệm vụ chữa cháy.

Mục 2

QUY ĐỊNH VỀ CHỮA CHÁY RỪNG

Điều 10. Tiếp nhận và xử lý thông tin

1. Tiếp nhận thông tin: Chủ rừng và các cá nhân, đơn vị liên quan khi phát hiện có cháy rừng hoặc có thông tin liên quan đến cháy rừng, bằng mọi phương

tiện và phương thức thông tin liên lạc hiện có, báo cáo ngay cho cơ quan Kiểm lâm và Chính quyền địa phương.

2. Xử lý thông tin

a) Trách nhiệm chủ trì: Là lực lượng Kiểm lâm; sau khi nhận được thông tin báo cháy rừng, triển khai xác thực thông tin, nếu có cháy rừng xảy ra phải báo cáo như sau:

- Kiểm lâm địa bàn báo cáo với Hạt Kiểm lâm cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã;

- Hạt Kiểm lâm cấp huyện báo cáo với Chi cục Kiểm lâm, Ủy ban nhân dân cấp huyện;

- Chi cục Kiểm lâm báo cáo ngay với Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phụ trách, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

b) Trách nhiệm phối hợp: Chủ rừng có rừng bị cháy, Công an, Quân đội, Chính quyền địa phương có rừng bị cháy và địa phương lân cận.

Điều 11. Các biện pháp chữa cháy rừng

1. Biện pháp chữa cháy

a) Biện pháp chữa cháy rừng gián tiếp: Dùng lực lượng và phương tiện để cô lập đám cháy, thường áp dụng cho đám cháy lớn, cường độ cháy cao, tốc độ lan truyền nhanh và diện tích khu rừng cần bảo vệ lớn, cụ thể: dùng băng trắng ngăn lửa, băng đốt trước (dùng lửa dập lửa), đào kênh, mương, rãnh để chống cháy ngầm và chữa cháy;

b) Biện pháp chữa cháy rừng trực tiếp: Sử dụng tất cả các phương tiện, công cụ từ thủ công đến cơ giới hiện đại, như: cành cây, bình tưới nước, máy bơm phun nước, máy thổi gió, rựa và hoá chất tác động trực tiếp vào đám cháy để dập tắt lửa; thường áp dụng đối với đám cháy có diện tích nhỏ hoặc cháy trên bề mặt đất.

2. Phương pháp bố trí lực lượng, phương tiện chữa cháy

a) Đối với rừng mà phương tiện cơ giới chữa cháy không thể tiếp cận được thì phải huy động tối đa lực lượng và các phương tiện khác để chữa cháy:

- Dụng cụ thủ công như: Dao, rựa, cuốc, xẻng, bàn dập lửa, cành cây...;

- Máy phun nước, máy bơm chữa cháy xách tay, máy thổi gió, cưa xăng...

b) Đối với rừng có thể đưa phương tiện cơ giới vào chữa cháy thì phải huy động tối đa phương tiện cơ giới để chữa cháy gồm: xe ô tô chữa cháy chuyên dụng, xe mô tô chữa cháy chuyên dụng, xe chở nước...

3. Chữa cháy rừng tại hiện trường có đạn nổ

a) Trường hợp hiện trường cháy có tiếng nổ do đạn, bom, mìn còn sót lại sau chiến tranh, chỉ huy chữa cháy ngay lập tức chỉ đạo lực lượng chữa cháy

tránh xa khu vực cháy, không được dùng phương pháp dập lửa trực tiếp hoặc phương pháp đốt ngược để chữa cháy nhằm đảm bảo an toàn tính mạng con người;

b) Áp dụng phương pháp chữa cháy gián tiếp, làm đường băng trắng trước hướng lan truyền của đám cháy; khoảng cách từ đường băng trắng đến đám cháy và độ rộng của đường băng trắng tùy thuộc vào địa hình, tốc độ lan truyền của đám cháy, do chỉ huy chữa cháy quyết định.

4. Chữa cháy rừng vào ban đêm

Căn cứ vào tình hình thực tế, chỉ huy lực lượng chữa cháy quyết định hình thức chữa cháy phù hợp, cụ thể:

a) Điều kiện cấp thực bì lớn, địa hình phức tạp, lực lượng, phương tiện không đảm bảo và nhằm đảm bảo an toàn tính mạng người chữa cháy, áp dụng biện pháp chữa cháy gián tiếp;

b) Điều kiện cấp thực bì nhỏ, địa hình tương đối bằng phẳng, lực lượng, phương tiện đảm bảo, áp dụng biện pháp chữa cháy trực tiếp.

Điều 12. Các nhiệm vụ liên quan trong chữa cháy rừng

1. Nhiệm vụ dẫn đường: Chủ rừng, chính quyền địa phương, Kiểm lâm có trách nhiệm dẫn đường tiếp cận đám cháy, đảm bảo các yêu cầu sau:

a) Bố trí đủ người dẫn đường vào chữa cháy;

b) Phải có biển hướng dẫn chỉ đường vào đám cháy;

c) Phải có bản hướng dẫn lấy nước nếu khu vực xảy ra cháy có hồ nước, khe suối.

2. Nhiệm vụ tham mưu chỉ huy: Kiểm lâm chủ trì, chủ rừng phối hợp tham mưu các biện pháp chữa cháy cho Chỉ huy chữa cháy các cấp.

3. Nhiệm vụ hậu cần: Các lực lượng tham gia chữa cháy phải đảm bảo hậu cần, phương tiện, nhiên liệu... cho đơn vị mình.

Mục 3

QUY ĐỊNH VỀ NHIỆM VỤ SAU KHI CHỮA CHÁY RỪNG

Điều 13. Xử lý triệt để tàn lửa và bảo vệ hiện trường

1. Trách nhiệm chính: Sau khi khống chế được đám cháy, chủ rừng có trách nhiệm chủ trì trong công tác phân công người xử lý triệt để tàn lửa, tránh để đám cháy bùng phát trở lại.

2. Trách nhiệm phối hợp: Lực lượng Kiểm lâm, Chính quyền địa phương phân công người phối hợp với chủ rừng để trực giám sát đám cháy sau khi được dập tắt; tổ chức bảo vệ hiện trường nhằm phục vụ cho công tác điều tra, xác minh tìm nguyên nhân và thủ phạm gây cháy rừng.

Điều 14. Xác định thiệt hại do cháy rừng và giải pháp phục hồi rừng sau khi cháy

1. Chủ rừng có trách nhiệm xác định mức độ thiệt hại do cháy rừng gây ra theo quy định tại khoản 1 Điều 52, Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật lâm nghiệp (sau đây gọi tắt là Nghị định số 156/2018/NĐ-CP), cụ thể:

a) Xác định diện tích, loại rừng, trạng thái rừng bị cháy, đánh giá mức độ thiệt hại và xác định diện tích rừng bị thiệt hại do cháy rừng; khả năng phục hồi rừng sau khi cháy; những thiệt hại về người, tài sản, và các thiệt hại khác (nếu có);

b) Báo cáo vụ cháy rừng: Thực hiện điểm a khoản 2 Điều 14, Thông tư số 25/2019/TT-BNNPTNT ngày 27 tháng 12 năm 2019 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về phòng cháy và chữa cháy rừng. Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày vụ cháy rừng được dập tắt, chủ rừng có trách nhiệm lập báo cáo về cháy rừng gửi cơ quan Kiểm lâm sở tại. Trong thời hạn 01 ngày kể từ khi nhận được báo cáo của chủ rừng, cơ quan Kiểm lâm sở tại có trách nhiệm báo cáo Chi cục Kiểm lâm cấp tỉnh. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo của cơ quan Kiểm lâm sở tại, Chi cục Kiểm lâm cấp tỉnh báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và Cục Kiểm lâm.

2. Chủ rừng có trách nhiệm thực hiện các biện pháp phục hồi rừng sau khi cháy theo quy định tại khoản 2 Điều 52, Nghị định số 156/2018/NĐ-CP.

3. Cơ quan Kiểm lâm sở tại có trách nhiệm hỗ trợ chủ rừng và kiểm tra, giám định khi cần thiết về kết quả xác định thiệt hại do cháy rừng gây ra do chủ rừng báo cáo. Giám sát việc thực hiện phục hồi rừng của chủ rừng.

Điều 15. Xác định nguyên nhân gây cháy rừng

1. Tất cả các vụ cháy rừng đều phải được điều tra, xác định nguyên nhân gây cháy để làm căn cứ xử lý, rút kinh nghiệm và có biện pháp phòng ngừa. Việc xác định nguyên nhân gây cháy rừng được thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 52, Nghị định số 156/2018/NĐ-CP. Căn cứ tính chất, mức độ vi phạm, mức độ thiệt hại, đề nghị xử lý theo quy định của pháp luật.

2. Chính quyền địa phương, chủ rừng có trách nhiệm phối hợp và tạo điều kiện cho các cơ quan chức năng điều tra, truy tìm thủ phạm gây cháy rừng.

Điều 16. Tổ chức họp rút kinh nghiệm chữa cháy

1. Sau khi vụ cháy kết thúc, chủ rừng chủ động tổ chức họp rút kinh nghiệm về công tác phòng cháy, chữa cháy trên địa bàn rừng do mình quản lý; trong thời hạn 10 ngày làm việc, báo cáo Ủy ban nhân dân cấp xã, Ủy ban nhân dân cấp huyện và Hạt Kiểm lâm cấp huyện.

2. Tùy theo tình hình cụ thể, Ủy ban nhân dân các cấp tổ chức họp rút kinh nghiệm về công tác phòng cháy, chữa cháy rừng trên địa bàn quản lý.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 17. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

1. Hằng năm, lập dự toán kinh phí phục vụ công tác phòng cháy, chữa cháy rừng cho các đơn vị trực thuộc và phân bổ kinh phí đúng quy định.

2. Hướng dẫn, kiểm tra: việc thực hiện các quy định về trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã trong phòng cháy, chữa cháy rừng ở địa phương; việc phối hợp và huy động lực lượng, phương tiện của các tổ chức, cá nhân trên địa bàn trong phòng cháy, chữa cháy rừng.

Điều 18. Sở Tài chính

Hằng năm, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí kinh phí chữa cháy cho các cơ quan, đơn vị tham gia chữa cháy theo quy định pháp luật và khả năng cân đối ngân sách của địa phương.

Điều 19. Sở Y tế

Khi nhận được tin báo cháy rừng, Sở Y tế có trách nhiệm bố trí xe cấp cứu và lực lượng y tế phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan trong việc sơ cấp cứu người bị nạn tại địa điểm xảy ra cháy rừng.

Điều 20. Công an tỉnh

1. Phối hợp với cơ quan Kiểm lâm, đơn vị Quân đội, Ủy ban nhân dân các cấp và các đơn vị có liên quan thực hiện biện pháp phòng ngừa, ngăn chặn, đấu tranh với hành vi gây cháy rừng; xác định nguyên nhân các vụ cháy rừng xử lý theo quy định của pháp luật.

2. Phối hợp với lực lượng Kiểm lâm hướng dẫn việc xây dựng Phương án phòng cháy, chữa cháy rừng; huấn luyện nghiệp vụ phòng cháy, chữa cháy; tham gia chữa cháy rừng và chỉ huy việc chữa cháy rừng theo quy định của pháp luật.

3. Phát hiện, tiếp nhận điều tra, xử lý các vụ vi phạm trong lĩnh vực phòng cháy, chữa cháy rừng.

4. Thực hiện theo quy định tại Mục b, Phần II của Thông tư liên tịch số 144/2002/TTLT-BNNPTNT-BCA-BQP ngày 13 tháng 12 năm 2002 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Công an, Bộ Quốc phòng hướng dẫn việc phối hợp giữa các lực lượng Kiểm lâm, Công an, Quân đội trong công tác bảo vệ rừng.

5. Huy động lực lượng, phương tiện của Công an cấp huyện, lực lượng Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ đang đóng quân trên địa bàn tham gia phối hợp chữa cháy, khoanh vùng hiện trường và cứu nạn, cứu hộ khi xảy ra cháy rừng.

Điều 21. Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh, Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh

1. Thực hiện theo quy định tại Mục c, Phần II của Thông tư liên tịch số 144/2002/TTLT-BNNPTNT-BCA-BQP ngày 13 tháng 12 năm 2002 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Công an, Bộ Quốc phòng hướng dẫn việc phối hợp giữa các lực lượng Kiểm lâm, Công an, Quân đội trong công tác bảo vệ rừng.

2. Giáo dục cán bộ, chiến sĩ nắm vững và chấp hành nghiêm pháp luật về phòng cháy, chữa cháy rừng. Các đơn vị đóng quân trong rừng, gần rừng phối hợp với lực lượng Kiểm lâm, Chính quyền địa phương tham gia công tác phòng cháy, chữa cháy rừng; chấp hành nghiêm quy định về phòng cháy, chữa cháy rừng ở nơi đóng quân.

3. Chỉ đạo các đơn vị đóng quân trong rừng, gần rừng phải có Phương án phòng cháy, chữa cháy rừng, tham gia tuần tra và sẵn sàng ứng cứu khi có trường hợp xảy ra cháy rừng theo lệnh huy động của Ban Chỉ đạo ở nơi đóng quân.

4. Phối hợp với cơ quan Kiểm lâm kiểm tra, xử lý kịp thời đối với những đơn vị, chiến sĩ vi phạm pháp luật về phòng cháy, chữa cháy rừng.

Điều 22. Trách nhiệm của Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố Huế

Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố Huế, theo thẩm quyền và phạm vi quản lý của mình có trách nhiệm:

1. Chỉ đạo Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn có rừng và đất lâm nghiệp thực hiện các biện pháp phòng cháy, chữa cháy rừng theo quy định của pháp luật.

2. Thành lập và ban hành Quy chế hoạt động của Ban Chỉ đạo cấp huyện; ban hành Phương án phòng cháy, chữa cháy rừng thuộc phạm vi và trách nhiệm quản lý của mình.

3. Chỉ đạo, kiểm tra và tổ chức thực hiện các quy định của pháp luật về phòng cháy, chữa cháy rừng; xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực phòng cháy, chữa cháy rừng theo quy định của pháp luật.

4. Chỉ đạo tuyên truyền giáo dục pháp luật, kiến thức về phòng cháy, chữa cháy rừng cho nhân dân, xây dựng phong trào quần chúng tham gia hoạt động phòng cháy, chữa cháy rừng.

5. Đầu tư ngân sách cho hoạt động phòng cháy, chữa cháy rừng; trang bị phương tiện phòng cháy, chữa cháy rừng cho Chính quyền cấp xã, phường, thị trấn có rừng.

6. Trực tiếp chỉ đạo và huy động lực lượng chữa cháy rừng trên địa bàn.

7. Chỉ đạo tổ chức chữa cháy rừng, điều tra nguyên nhân gây cháy rừng và khắc phục hậu quả vụ cháy rừng.

Điều 23. Chi cục Kiểm lâm

1. Hằng năm, tham mưu Ban chỉ đạo Chương trình mục tiêu phát triển Lâm nghiệp bền vững, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xây dựng Phương án huy động lực lượng chữa cháy cấp tỉnh. Chỉ đạo các Hạt Kiểm lâm cấp huyện xây dựng Phương án huy động lực lượng chữa cháy cấp huyện.

2. Thiết lập đường dây nóng, thông qua các mạng xã hội để thu nhận thông tin báo cháy rừng của người dân. Theo dõi các điểm cháy sớm phát hiện từ ảnh vệ tinh, kết hợp phát hiện cháy sớm tại các chòi canh, các chốt gác để phát hiện sớm các điểm cháy rừng; chỉ đạo Hạt Kiểm lâm, các chủ rừng kiểm tra, xác minh và tổ chức chữa cháy kịp thời.

3. Hướng dẫn, xây dựng chương trình tuyên truyền về phòng cháy và chữa cháy rừng cho các tổ chức, cá nhân trên địa bàn quản lý.

4. Huy động kịp thời, bố trí lực lượng, phương tiện, thiết bị của lực lượng Kiểm lâm đảm bảo để hỗ trợ chữa cháy rừng tại hiện trường.

5. Tham mưu các biện pháp chữa cháy cho Chỉ huy chữa cháy các cấp tại hiện trường.

6. Phối hợp Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ, cơ quan điều tra xác định nguyên nhân, đối tượng gây cháy rừng, mức độ thiệt hại và xử lý theo quy định của pháp luật.

Điều 24. Trách nhiệm của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn

Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn có rừng và đất lâm nghiệp theo thẩm quyền và phạm vi quản lý của mình có trách nhiệm:

1. Ban hành Phương án phòng cháy, chữa cháy rừng thuộc phạm vi và trách nhiệm quản lý của mình.

2. Thành lập và ban hành Quy chế hoạt động của Ban Chỉ đạo xã, phường; các tổ, đội bảo vệ rừng và phòng cháy, chữa cháy rừng ở cơ sở.

3. Chỉ đạo và tổ chức thực hiện các chính sách, chế độ của Nhà nước về phòng cháy, chữa cháy rừng trong phạm vi địa phương mình.

4. Phối hợp với các cơ quan liên quan tổ chức kiểm tra, phát hiện, ngăn chặn và xử lý kịp thời những hành vi vi phạm quy định phòng cháy, chữa cháy rừng.

Điều 25. Các cơ quan thông tin đại chúng

1. Tổ chức tuyên truyền quy định về phòng cháy, chữa cháy rừng; phổ biến kiến thức về phòng cháy, chữa cháy rừng trên địa bàn tỉnh.

2. Phối hợp với Ủy ban nhân dân, Ban Chỉ đạo các cấp và các cơ quan liên quan tổ chức tuyên truyền về phòng cháy, chữa cháy rừng; chủ động và phối

hợp với Chi cục Kiểm lâm thông báo kịp thời các bản tin cấp dự báo cháy rừng trong suốt các tháng mùa khô.

Điều 26. Khen thưởng và xử lý vi phạm

1. Tổ chức, cá nhân có thành tích xuất sắc trong công tác chữa cháy rừng hoặc có công phát hiện, ngăn chặn những hành vi gây cháy rừng và làm hạn chế những thiệt hại do cháy rừng gây ra sẽ được khen thưởng theo quy định hiện hành của Nhà nước.

2. Tổ chức, cá nhân nêu vi phạm Quy chế này và các quy định của pháp luật về phòng cháy chữa cháy thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm sẽ bị xử lý trách nhiệm theo các quy định của pháp luật.

Điều 27. Điều khoản thi hành

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có trách nhiệm phối hợp với các Sở, ban ngành liên quan, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố Huế hướng dẫn triển khai, tổ chức kiểm tra, giám sát việc thực hiện Quy chế này.

2. Các cơ quan, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao tại Quy chế này, tổ chức triển khai thực hiện tốt công tác phòng cháy, chữa cháy rừng.

3. Trường hợp những quy định của pháp luật được dẫn chiếu áp dụng trong Quy chế này bị điều chỉnh hiệu lực thì áp dụng theo quy định mới đang có hiệu lực./.

**TM.ỦY BAN NHÂN DÂN
KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Văn Phương